TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HƯƠNG THỦY** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2021/HS-ST
Ngày: 04-8-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Phú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Cường và ông Võ Trọng Thơi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Thọ - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy tham gia phiên tòa: Ông Trần Vũ Duy K - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2021, tại Hội trường Toà án nhân dân thị xã Hương Thủy, số 06 đường Đặng Tràm, phường Phú Bài, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 46/2021/TLST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2021/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 7 năm 2021, đối với:

1. Bị cáo **Trần Thị T,** sinh ngày: 10/7/1970 tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi ĐKNKTT: Số 122 đường Q, phường AĐ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú hiện nay: Số 24/56 đường Hải Triều, phường AĐ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Mua bán phế liệu; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con của ông Trần T bà Trần Thị G (đều đã chết); có chồng là Lê Văn T1, sinh năm: 1971; có 07 con, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 2006. Tiền án: Có 01 tiền án, vào năm 2020, đã bị kết án 01 năm 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội Trộm cắp tài sản, theo bản án số 188/2020/HS-ST ngày 10/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, đang chấp hành hình phạt; Tiền sự: Không. Về nhân thân, vào năm 2014, đã bị kết án 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, theo bản án số 28/2014/HSST ngày 16/01/2014 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 05/4/2021 cho đến nay. Có mặt.

2. Bị cáo **Nguyễn Thị TH,** sinh ngày: 25/12/1975 tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi ĐKNKTT và Nơi cư trú hiện nay: Số 18/116 đường K, phường TD, thị xã Hương TH, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Mua bán phế liệu; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con của ông: không xác định được và con bà Ngô Thị C, sinh năm 1947; có chồng là Mai Quang S, sinh năm 1978; có 05 con, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2019. Tiền án: Không, tiền sự: Có 01 tiền sự, vào năm 2020, bị Công an thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt hành chính số tiền: 2.000.000 đồng, về hành vi Trộm cắp tài sản theo Quyết định số: 0000079/QĐ-XPHC ngày 10/4/2020, đã nộp tiền phạt vào ngày 13/4/2020. Về nhân thân, vào năm 2010, bị Công an thành phố

H, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt hành chính số tiền: 150.000 đồng, về hành vi Trộm cắp tài sản theo Quyết định số: 12044/QĐXPVPHC ngày 26/5/2010, đã chấp hành xong tiền phạt.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 05/4/2021 cho đến nay. Có mặt.

- *Bị hại*: Anh Ngô Quốc K, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Số 05 đường Bùi Xuân Phái, Tổ 4, phường TD, thị xã Hương TH, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 20 phút ngày 01/01/2021, bị cáo Trần Thị T đi thu mua phế liệu ngang qua nhà anh Ngô Quốc K, ở tại Tổ 2, phường TD, thị xã Hương TH, tỉnh Thừa Thiên Huế thì phát hiện thấy tại bãi đất trống, cạnh nhà anh K có để các khung cửa sắt, dây điện, khung cửa XINGFA đều đã cũ và hư hỏng. Lúc này, bị cáo T nảy sinh ý định vào lấy trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài; Cùng lúc này có bị cáo Nguyễn Thị TH đi qua nên T rủ TH cùng vào lấy trộm thì TH đồng ý. Bị cáo T và TH cùng nhau đi vào bãi đất trống lén lút lấy trộm 01 khung cửa sắt đã hỏng có trọng lượng 21 kg, 01 cuộn dây điện màu đen lõi nhôm có trọng lượng 14 kg, 02 khung cửa nhựa XINGFA màu trắng có trọng lượng 59kg đưa ra ngoài khu vực bãi đất trống để chở đi tiêu thụ thì bị anh K phát hiện và bắt quả tang, sau đó trình báo Cơ quan Công an.

Tại Cơ quan điều tra Công an thị xã Hương TH, các bị cáo Trần Thị T và Nguyễn Thị TH đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình nói trên.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ gồm: 01 xe mô tô mang BKS: 75H9-1779, 01 xe mô tô mang BKS: 75F8-2877; 02 khung cửa XINGFA, 01 khung cửa sắt, 01 cuộn dây điện.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 12 ngày 04/3/2021, của Hội đồng định giá UBND thị xã Hương TH, kết luận:

- 01 cuộn dây điện có vỏ nhựa màu đen, lõi nhôm có trọng lượng 14 kg đã qua sử dụng, trị giá: 280.000 đồng. (Hai trăm tám mươi ngàn đồng).

- 02 khung cửa nhựa XINGFA màu trắng, có trọng lượng 59kg đã qua sử dụng, trị giá: 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng).

- 01 khung cửa sắt có trọng lượng 21 kg đã qua sử dụng, trị giá 252.000 đồng (Hai trăm năm hai ngàn đồng).

Tổng giá trị tài sản là: 1.032.000 đồng (Một triệu không trăm ba hai ngàn đồng).

Hiện 02 khung cửa XINGFA, 01 khung cửa sắt, 01 cuộn dây điện, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu, còn đang tạm giữ 01 xe mô tô mang BKS: 75H9 - 1779, 01 xe mô tô mang BKS: 75F8 – 2877 để đảm bảo cho việc xét xử và thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh Ngô Quốc K khai đã nhận lại tài sản, không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại về tài sản.

Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Trần Thị T và Nguyễn Thị TH đã khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 48/CT-VKS-HTh ngày 02/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương TH, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo Trần Thị T về tội: Trộm

cắp tài sản, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Thị TH về tội: Trộm cắp tài sản, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm theo bản cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trần Thị T và Nguyễn Thị TH phạm tội: Trộm cắp tài sản. Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Trần Thị T từ 03 tháng tù đến 05 tháng tù; Tổng hợp với phần hình phạt mà bị cáo chưa chấp hành về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số 188/2020/HS-ST ngày 10/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế để buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung. Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173; điểm i, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Thị TH từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ; Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh Ngô Quốc K đã nhận lại tài sản đầy đủ, tại phiên tòa không có yêu cầu gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô mang BKS: 75H9–1779 và 01 xe mô tô mang BKS: 75F8 – 2877 do đây là phương tiện mà các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. Về án phí, đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

-*Ý kiến của các bị cáo Trần Thị T và Nguyễn Thị TH trình bày*: Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố; Các bị cáo rất hối hận về hành vị phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

-*Ý kiến của bị hại:* Anh Ngô Quốc K trình bày đã nhận lại tài sản đầy đủ, không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại gì về tài sản, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ, trả hồ sơ điều tra bổ sung theo quy định của pháp luật.

[2]. Các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương TH thu thập trong hồ sơ đều có giá trị pháp lý.

[3]. Qua trình điều tra truy tố, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng.

[4]. Căn cứ kết tội đối với bị cáo Trần Thị T và Nguyễn Thị TH: Vào khoảng 12 giờ 20 phút ngày 01/01/2021, tại bãi đất trống cạnh nhà anh Ngô Quốc K, ở tại Tổ 2, phường TD, thị xã Hương TH, tỉnh Thừa Thiên Huế trong lúc đang đi thu mua phế liệu về, bị cáo Trần Thị T và Nguyễn Thị TH lợi dụng sơ hở, đã lén lút chiếm đoạt tài sản gồm: 01 khung cửa sắt có trọng lượng 21 kg, 01 cuộn dây điện màu đen lõi nhôm có trọng lượng 14 kg, 02 khung cửa nhựa XINGFA màu trắng có trọng lượng 59kg của anh Ngô Quốc K, có tổng giá trị là 1.032.000 đồng thì bị phát hiện bắt quả tang.

Xét thấy, tuy tài sản bị chiếm đoạt có giá trị dưới 2.000.000 đồng nhưng bị cáo Trần Thị T đã bị kết án về tội Trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích mà còn tiếp tục lén lút chiếm đoạt tài sản nên hành vi lần này mà bị cáo T đã thực hiện là đủ

yếu tố cấu thành tội: Trộm cắp tài sản. Tội này được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Bị cáo Nguyễn Thị TH đã bị xử phạt hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản, chưa hết thời gian được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính mà còn tiếp tục lén lút chiếm đoạt tài sản nên hành vi lần này mà bị cáo TH đã thực hiện là đủ yếu tố cấu thành tội: Trộm cắp tài sản. Tội này được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương TH đã truy tố bị cáo Trần Thị T về tội: Trộm cắp tài sản, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo Nguyễn Thị TH về tội: Trộm cắp tài sản, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[5]. Xét về tính chất của vụ án, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy rằng đây là vụ án có đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn. Xét vai trò đồng phạm của từng bị cáo trong vụ án thì bị cáo T là người nảy sinh ý định trộm cắp tài sản rồi rủ rê bị cáo TH cùng thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nên bị cáo T là người chịu trách nhiệm chính trong vụ án. Còn bị cáo TH là đồng phạm giúp sức nên phải chịu trách nhiệm với vai trò thứ hai. Xét về hành vi phạm tội của các bị cáo thì các bị cáo phạm tội có tính chất cơ hội nhưng hành vi này rất nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo đều là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, vẫn nhận thức được tài sản của người khác được pháp luật bảo hộ, nếu xâm phạm sẽ bị xử lý nghiêm khắc nhưng vì động cơ vụ lợi nên các bị cáo đã thực hiện hành vi tội phạm. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm nhằm để giáo dục các bị cáo và ngăn ngừa chung.

[6]. Xét về nhân thân của các bị cáo Trần Thị T và Nguyễn Thị TH thì thấy rằng: Đối với bị cáo Nguyễn Thị TH thì vào năm 2010 đã bị Công an thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt hành chính số tiền: 150.000 đồng, về hành vi Trộm cắp tài sản theo Quyết định số: 12044/QĐXPVPHC ngày 26/5/2010, tuy đã chấp hành nộp xong tiền phạt nhưng về nhân thân không được tốt. Đối với bị cáo Trần Thị T vào năm 2014, đã bị kết án 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, theo bản án số: 28/2014/HSST ngày 16/01/2014 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã được xóa án tích nhưng đến năm 2020 thì bị kết án 01 năm 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội Trộm cắp tài sản, theo bản án số: 188/2020/HS-ST ngày 10/9/2020, trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thì lại tiếp tục phạm tội.

[7]. Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không phạm vào các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8]. Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Mặc khác, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Nguyễn Thị TH còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, nghĩ cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo một phần khi quyết định hình phạt.

[9]. Căn cứ vào nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo Nguyễn Thị TH có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có địa chỉ nơi cư

trú rõ ràng, phạm tội với vai trò thứ yếu, tài sản bị chiếm đoạt không lớn và đã được thu hồi trả lại cho bị hại nên không cần thiết phải cách ly bị cáo TH ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ là cũng đủ tác dụng để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Do bị cáo TH có nghề nghiệp thu mua phế liệu, thu nhập không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập của bị cáo. Đối với bị cáo Trần Thị T thì thấy rằng bị cáo nhiều tình tiết giảm nhẹ, tài sản bị chiếm đoạt không lớn và đã được thu hồi trả lại cho bị hại, bị cáo là lao động chính trong gia đình nên cần xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo quy định tại khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự là cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[10]. Về tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Trần Thị T: Tại Quyết định thi hành án số 273/2020/QĐ-CA ngày 16/10/2020 của Chánh án Tòa án nhân dân thành phố H và Bản án số 188/2020/HS-ST ngày 10/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế thì bị cáo Trần Thị T phải thi hành hình phạt 01 năm 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Trộm cắp tài sản", bị cáo đã chấp hành hình phạt từ ngày 10/11/2020 đến ngày 01/01/2021 thì bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Như vậy bị cáo T mới chấp hành hình phạt được 01 tháng 21 ngày. Thời gian còn lại bị cáo chưa chấp hành là 01 năm 07 tháng 09 ngày cải tạo không giam giữ, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự thì được chuyển đổi thành 06 tháng 13 ngày tù (tức là 03 ngày cải tạo không giam giữ được chuyển đổi thành 01 ngày tù). Do đó, cần tổng hợp hình phạt của bản án này với phần hình phạt mà bị cáo T chưa chấp hành tại Bản án số 188/2020/HS-ST ngày 10/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án theo quy định khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự.

[11]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh Ngô Quốc K đã nhận lại tài sản đầy đủ, không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại gì về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12]. Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 xe mô tô mang BKS: 75H9-1779 thuộc sở hữu của bị cáo Trần Thị T và 01 xe mô tô mang BKS: 75F8-2877 thuộc sở hữu của bị cáo Nguyễn Thị TH và đã chuyển giao cho Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương TH theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/8/2021. Xét thấy các xe mô tô này là phương tiện mà các bị cáo Trần Thị T và Nguyễn Thị TH sử dụng vào việc phạm tội, còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, hóa giá sung Ngân sách Nhà nước.

[13]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Thị T và Nguyễn Thị TH phạm tội: Trộm cắp tài sản.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 54, điểm a, b khoản 1 Điều 55, khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị T 04 (Bốn) tháng tù; Tổng hợp với phần hình phạt 06 tháng 13 ngày tù về tội "Trộm cắp tài sản", tại Bản án số 188/2020/HS-ST ngày 10/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế để buộc bị cáo Trần Thị T chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 10 (Mười) tháng 13

(Mười ba) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173; điểm i, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị TH 07 (Bảy) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường TD, thị xã Hương TH, tỉnh Thừa Thiên Huế nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị TH cho Ủy ban nhân dân phường TD, thị xã Hương TH, tỉnh Thừa Thiên Huế có trách nhiệm giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Thị TH.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Tuyên xử:

Tịch thu, hóa giá sung vào Ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô BKS: 75H9- 1779 của bị cáo Trần Thị T và 01 xe mô tô BKS: 75F8–2877 của bị cáo Nguyễn Thị TH. Vật chứng trên có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/8/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Hương TH và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thuỷ.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 135, khoản 1, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo Trần Thị T và Nguyễn Thị TH mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho các bị cáo, bị hại biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND T.X. Hương Thuỷ;
- Phòng PC06 Công an tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cơ quan điều tra T.X. Hương Thuỷ;
- CQ THAHS T.X. Hương TH;
- CC THADS T.X. Hương Thuỷ;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Văn Phú

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Mai Văn Phú